

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2025/DS-ST
Ngày 15-4-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Huỳnh Hương;
- Bà Đỗ Mỹ Lil.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thuý Vân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025, về việc Tranh chấp hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Việt K, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

2. Bà Đặng Thị Kim N, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

2. Ông Hồ Văn K1, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Việt K, bà Đặng Thị Kim N thống

nhất trình bày:

Ông bà là chủ hội, bà D, ông K1 là hội viên; bà D, ông K1 có nợ bà số tiền hội như sau:

1/ Dây hội mở ngày 09 tháng 01 năm 2021 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, có 32 phần hội (địa phương gọi là chung hội), bị đơn tham gia 01 phần, bị đơn hót hội kỳ thứ 5 và đóng được vài kỳ tiếp theo thì không tiếp tục đóng hội chết cho đến nay, hội đã mãn, bị đơn còn nợ 24 kỳ hội chết, số tiền là 24 kỳ x 2.000.000 đồng = 48.000.000 đồng.

2/ Dây hội mở ngày 09 tháng 9 năm 2023 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, có 36 phần hội, bị đơn tham gia 01 phần, bị đơn hót xong và không đóng hội chết đến nay, hội chưa mãn, tính đến thời điểm hiện tại bị đơn nợ 20 kỳ hội chết, số tiền là 20 kỳ x 2.000.000 đồng = 40.000.000 đồng. Đối với số tiền hội chết đối với các kỳ hội tiếp theo do chưa có phát sinh nghĩa vụ nên không yêu cầu giải quyết.

3/ Dây hội mùa mở ngày 19 tháng 7 năm 2018 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, sáu tháng khai hội một lần, có 16 phần hội, bị đơn tham gia 3 phần, hội sắp mãn, tính đến thời điểm mãn hội bị đơn còn nợ số tiền là 51.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hội đến thời điểm hiện tại là 48.000.000 đồng + 40.000.000 đồng + 51.000.000 đồng = 139.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả số tiền trên.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Thị D trình bày: Bà thống nhất thông tin đối với hai dây hội tháng và một dây hội mùa như nguyên đơn trình bày, thông tin các dây hội trên là đúng, bà có tham gia đối với tất cả các dây hội trên. Đối với dây hội tháng ngày 09 tháng 01 năm 2021 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, có 32 phần hội, bà tham gia 01 phần, bà đã hót hội và đã đóng hội chết xong cho đến khi mãn hội. Đối với dây hội mở ngày 09 tháng 9 năm 2023 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, có 36 phần hội, bà tham gia 01 phần, đến thời điểm hiện tại bà nợ 20 kỳ hội chết với số tiền 40.000.000 đồng, đối với các kỳ hội tiếp theo cho đến khi mãn hội do chưa phát sinh tranh chấp nên thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với dây hội mùa mở ngày 19 tháng 7 năm 2018 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, sáu tháng khai hội một lần, có 16 phần hội, bà tham gia 3 phần, đến thời điểm mãn hội bà còn nợ số tiền là 51.000.000 đồng.

Bà đồng ý trả nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng + 51.000.000 đồng = 91.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Hồ Văn K1 vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông K bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà D ông K1 trả số tiền nợ hui. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vợ chồng bà D, ông K1 có nơi cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, ông Hồ Văn K1 vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, do đó áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông K1.

[3] Xét yêu cầu trả nợ hui của vợ chồng ông K bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bà D thống nhất bà có tham gia 02 dây hui tháng (02 phần) và 01 dây hui mùa (03 phần) có tất cả là 05 phần hui do vợ chồng ông K bà N làm chủ hui, thống nhất thông tin các dây hui. Do các bên thống nhất được với nhau về thông tin các dây hui nên đây là tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự vì đã được phía bị đơn là bà D thừa nhận. Tại phiên tòa, bà D thừa nhận số tiền nợ hui đối với dây hui tháng mở ngày 09 tháng 9 năm 2023 đến thời điểm xét xử bà nợ 40.000.000 đồng và toàn bộ dây hui mùa ngày 19 tháng 7 năm 2018 đến khi mãn hui là 51.000.000 đồng; đối với hai dây hui này phía nguyên đơn cũng thống nhất với số tiền trên. Xét dây hui tháng mở ngày 09 tháng 01 năm 2021 thấy rằng, bị đơn thừa nhận thông tin dây hui, thừa nhận đã hót hui xong và đã đóng hui chết cho nguyên đơn đến mãn hui, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc có đóng hui chết cho nguyên đơn đến khi xong dây hui, do đó không có cơ sở xem xét đối với trình bày bà D, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ hui chết đối với dây hui này là 48.000.000 đồng.

[4] Bà D và ông K1 là vợ chồng nên nghĩa vụ phát sinh là nghĩa vụ chung của hai vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường, buộc vợ chồng bà D ông K1 trả cho ông K bà N số tiền nợ hui 139.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng bà D, ông K1 phải chịu là 139.000.000 đồng * 5% = 6.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà D thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà không phải chịu, ông K1 phải chịu số tiền là 3.475.000 đồng; ông K bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 11, các khoản 3, 4 Điều 18, Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng bà Hồ Thị D và ông Hồ Văn K1 trả cho ông Lê Việt K, bà Đặng Thị Kim N số tiền nợ hội là 139.000.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Hồ Văn K1 phải chịu án phí sơ thẩm là 3.475.000 (ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

H lại cho ông Lê Việt K, bà Đặng Thị Kim N số tiền 4.100.000 (bốn triệu một trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005095 ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp